TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC KẠN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/6/2023
V/v: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN - TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vi Thị Ngọc Diệp.

2. Ông Đỗ Trung Xuân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sơn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 78/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nông Thị Th, sinh năm 1982. Trú tại: Thôn N, xã N1, thành phố B, tỉnh B1. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Âu Văn Th1, sinh năm 1981. Trú tại: Thôn N, xã N1, thành phố B, tỉnh B1. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nông Thị Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Âu Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường S, thành phố B, tỉnh B1 vào ngày 25/3/2001. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2019, thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh Th1 hay chơi cờ bạc, nghiện ma túy, không quan tâm gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát chị phải đề nghị chính quyền địa phương giải quyết. Mâu thuẫn đã được vợ chồng nhiều lần tìm cách cùng giải quyết nhưng không được. Cuộc sống chung không hạnh phúc nhưng vì các con và do anh Th1 đã nhiều lần hứa sẽ sửa đổi nên chị đã nhẫn nhịn chịu đựng. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống ngày càng căng thẳng, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên mặc dù vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng thực tế đã ly thân, không quan tâm và có trách nhiệm đến nhau, việc ai người ấy làm

từ tháng 01 năm 2023 đến nay. Trong thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Nay chị xác định không còn lòng tin, tình yêu với anh Th1, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Âu Văn Th1.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh Th1 và có 02 con chung là Âu Dương Ph, sinh ngày 28/7/2004 và Âu Mạnh Ph1, sinh ngày 03/7/2012. Hiện nay con chung Âu Dương Ph đã thành niên và không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân. Khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Âu Mạnh Ph1 do anh Th1 sắp phải đi chấp hành án hình phạt tù tại trại giam nên chị đề nghị Tòa án giao con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi và chị không yêu cầu anh Th1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị và anh Th1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn anh Âu Văn Th1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định về việc kết hôn đúng như chị Th trình bày. Quá trình chung sống từ sau khi kết hôn đến năm 2021 thì vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, từ năm 2022 đến nay thì thi thoảng có xảy ra một số mâu thuẫn nhỏ, vợ chồng có cãi vã, xô xát, chị Th đã đề nghị chính quyền địa phương giải quyết. Nguyên nhân là do anh nghiện chất ma túy. Nay chị Th xin ly hôn anh không nhất trí, vì anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị Th. Nếu chị Th vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh thì anh đề nghị chị Th tạm thời rút đơn xin ly hôn để đợi anh đi chấp hành án hình phạt tù 16 tháng xong trở về thì vợ chồng sẽ ly hôn sau.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Nếu phải ly hôn, con Âu Dương Ph đã thành niên và không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Âu Mạnh Ph1 anh đề nghị Tòa án giao con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi và anh không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Nếu phải ly hôn anh và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh với mẹ đẻ anh Th1, mẹ đẻ chị Th, con của anh Th1 chị Th và chính quyền địa phương để làm rõ tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng. Kết quả xác minh cho thấy giữa anh Th1 và chị Th có mâu thuẫn, chung sống không hạnh phúc.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn phát biểu:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nông Thị Th có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn giải quyết việc ly hôn với anh Âu Văn Th1, sinh năm 1981; trú tại: Thôn N, xã N1, thành phố B, tỉnh B1. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nông Thị Th và anh Âu Văn Th1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại UBND phường S, thành phố B, tỉnh B1 vào ngày 25/3/2001 nên hôn nhân là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của các đương sự và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống giữa chị Th và anh Th1 có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh Thu có nhược điểm là người nghiện ma túy, vi phạm pháp luật hình sự, cuộc sống chung giữa hai bên không hạnh phúc.

Nay chị Th xác định không còn lòng tin, tình cảm vợ chồng nên đề nghị được ly hôn. Anh Th1 cho rằng quá trình vợ chồng chung sống thì từ năm 2022 đến nay thi thoảng có xảy ra một số mâu thuẫn nhỏ, nguyên nhân là do anh nghiện chất ma túy. Nay chị Th xin ly hôn anh không nhất trí, vì anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị Th nhưng anh cũng không có biện pháp cải thiện quan hệ vợ chồng . Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải nhưng chị Th vẫn khẳng định giữa hai bên không còn tình cảm vợ chồng, có tiếp tục chung sống thì vẫn không hạnh phúc.

Căn cứ quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và thực tế, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh Th1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, có duy trì cũng không đem lại hạnh phúc cho anh chị. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th, cho chị Th được ly hôn với anh Th1.

* *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Th và anh Th1 có 2 con chung là Âu Dương Ph, sinh ngày 28/7/2004 và Âu Mạnh Ph1, sinh ngày 03/7/2012. Khi ly hôn, chị Th và anh Th1 đều có ý kiến: Con chung Âu Dương Ph đã thành niên và không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Âu Mạnh Ph1 chị Th và anh Th1 đều đề nghị được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Âu Mạnh Ph1 kết quả cháu Ph1 có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Xét nguyện vọng của các bên và con con chung thấy, hiện nay anh Th sắp phải đi chấp hành án hình phạt tù với thời hạn là 16 tháng nên không có điều kiện trực trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Để đảm bảo cho con được chăm sóc, phát triển một cách tốt nhất, Hội đồng xét xử thấy cần giao con

chung Âu Mạnh Ph1, sinh ngày 03/7/2012 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của con. Chị Th không yêu cầu anh Th1 cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

** Về tài sản chung và vay nợ chung*: Chị Th và anh Th1 tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí*:* Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nông Thị Th.

Chị Nông Thị Th được ly hôn với anh Âu Văn Th1.

2. Về con chung: Chị Nông Thị Th và anh Âu Văn Th1 có 02 con chung là cháu Âu Dương Ph1, sinh ngày 28/7/2004 và cháu Âu Mạnh Ph1, sinh ngày 03/7/2012. Hiện nay con chung Âu Dương Ph đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao con chung Âu Mạnh Ph1, sinh ngày 03/7/2012 cho chị Nông Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh Âu Văn Th1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nông Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Nông Thị Th và anh Âu Văn Th1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại phiếu thu số 0002331 ngày 26 tháng 4năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- UBND phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn (nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Dương